

**Phụ lục I**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày /7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	
			Tỉnh giao	Huyện giao
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>			
1.1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4	4
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>			
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm	%	3	>3
<b>3</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>			
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	50	50
	<i>Trong đó:</i>			
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	25	25
-	Thôn (làng) đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn thôn nông thôn mới	Thôn	Không giao	9

**Phụ lục II**

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô)

DVT: Triệ

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022											
		Tổng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022					Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó		Vốn sự nghiệp	Vốn sự nghiệp
										KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	KH năm 2022		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>50,539.0</b>	<b>36,244.0</b>	<b>14,295.0</b>	<b>34,010.0</b>	<b>25,079.0</b>	<b>8,931.0</b>	<b>13,105.0</b>	<b>11,165.0</b>	<b>9,811.0</b>	<b>1,354.0</b>	<b>1,940.0</b>	<b>3,424.0</b>
1	Phòng Dân tộc	2,567.00	2,222.00	345.00	2,567.00	2,222.00	345.00	-	-				
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,429.70	-	2,429.70	1,920.00		1,920.00	500.00	-			500.00	9.70
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	665.00	-	665.00	110.00		110.00						555.00
4	Phòng Văn hóa - Thông tin	89.30	-	89.30	83.00		83.00						6.30
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	59.00	-	59.00	59.00		59.00						
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	2,487.40	-	2,487.40	1,473.00		1,473.00						1,014.40
7	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	220.00	-	220.00	220.00		220.00						
8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	11,909.00	11,909.00	-	11,909.00	11,909.00		-	-				
9	Xã Diên Bình	1,461.20	878.00	583.20	-			1,283.00	878.00	427.00	451.00	405.00	178.20
10	Xã Pô Kô	4,717.72	3,938.42	779.30	2,647.42	2,232.42	415.00	1,811.00	1,706.00	1,706.00		105.00	259.30
11	Xã Tân Cảnh	1,130.70	879.00	251.70	-			984.00	879.00	427.00	452.00	105.00	146.70

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022											
		Tổng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022				Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022	
12	Xã Kon Đào	1,810.90	1,156.00	654.90	401.00	278.00	123.00	1,183.00	878.00	427.00	451.00	305.00	226.90
13	Xã Ngọc Tụ	4,548.99	3,818.79	730.20	2,459.79	2,112.79	347.00	1,911.00	1,706.00	1,706.00		205.00	178.20
14	Xã Đăk Rơ Nga	4,650.39	3,878.79	771.60	2,628.79	2,172.79	456.00	1,811.00	1,706.00	1,706.00		105.00	210.60
15	Xã Đăk Trăm	5,100.30	3,864.00	1,236.30	3,030.00	2,158.00	872.00	1,811.00	1,706.00	1,706.00		105.00	259.30
16	Xã Văn Lem	6,523.60	3,700.00	2,823.60	4,502.00	1,994.00	2,508.00	1,811.00	1,706.00	1,706.00		105.00	210.60
17	Thị trấn Đăk Tô	168.80	-	168.80	-			-	-				168.80



<b>Ghi</b>

**PHỤ LỤC III**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022							Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần						
			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 4 (Tiểu dự án 1)	Dự án 5 (Tiểu dự án 1)	Dự án 6	Dự án 10 (Tiểu dự án 2)	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>25,079.00</b>	<b>2,307.00</b>	<b>5,387.00</b>	<b>13,929.00</b>	<b>2,776.00</b>	<b>365.00</b>	<b>315.00</b>	
1	Phòng Dân tộc	2,222.00	1,907.00					315.00	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	11,909.00		5,387.00	3,746.00	2,776.00			
3	Xã Pô Kô	2,232.42	231.00		1,960.00		41.42		
4	Xã Ngọc Tú	2,112.79			1,951.00		161.79		
5	Xã Đăk Rơ Nga	2,172.79			2,011.00		161.79		
6	Xã Đăk Trăm	2,158.00	169.00		1,989.00				
7	Xã Văn Lem	1,994.00			1,994.00				
8	Xã Kon Đào	278.00			278.00				

**Ghi chú:**

**Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025**

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc  
- *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

*Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS*

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

6. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

*- Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

**Phụ lục IV**

**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022															Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần														
			Dự án 1	Dự án 3		Dự án 4	Dự án 5				Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9 (Tiểu dự án 2)	Dự án 10			
				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3	Tiểu dự án 4				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3	
	<b>TỔNG SỐ</b>	8,931	447	4,332	1,336	526	59	143	1,440	86	83	220	76	128	19	36	-
1	Phòng Dân tộc	345								86			76	128	19	36	
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,920		1,920													
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	110						110									
4	Phòng Văn hóa - Thông tin	83									83						
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	59					59										
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	1,473						143	1,330								
7	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	220										220					
8	Xã Pô Kô	415	84	11	220	100											
9	Xã Kon Đào	123	27		77	19											
10	Xã Ngọc Tụ	347	84	8	155	100											
11	Xã Đắk Rơ Nga	456	84	7	262	103											
12	Xã Đắk Trăm	872	84	372	314	102											
13	Xã Văn Lem	2,508	84	2,014	308	102											

**Ghi chú:**

**Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- 1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- 2 Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
  - *Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*
  - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*



3 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

- *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

4 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS*

- *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

- *Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.*

- *Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.*

5 Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

6 Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

7 Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- *Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

8 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình*

- *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

- *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.*

**Phụ lục V**

**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / 7 /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Đơn vị, địa phương	Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022									Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần								
			Dự án 2	Dự án 3 (Tiểu dự án 1)	Dự án 4		Dự án 6		Dự án 7		
Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 3	Tiểu dự án 1			Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2				
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3,424.00</b>	<b>1,149.00</b>	<b>487.00</b>	<b>1,268.00</b>	<b>215.00</b>	<b>21.00</b>	<b>24.00</b>	<b>170.00</b>	<b>90.00</b>	-
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9.70		9.70							
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	555.00			253.60	215.00		8.40	51.00	27.00	
3	Phòng Văn hóa - Thông tin	6.30					6.30				
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	1,014.40			1,014.40						
5	Xã Diên Bình	178.20	111.40	46.30			1.40	1.50	11.50	6.10	
6	Xã Pô Cô	259.30	162.00	67.30			2.10	2.20	16.80	8.90	
7	Xã Tân Cảnh	146.70	91.60	38.00			1.20	1.30	9.60	5.00	
8	Xã Kon Đào	226.90	141.80	58.90			1.80	1.90	14.70	7.80	
9	Xã Ngọc Tụ	178.20	111.40	46.30			1.40	1.50	11.50	6.10	
10	Xã Đắk Rơ Nga	210.60	131.60	54.70			1.70	1.80	13.60	7.20	

11	Xã Đăk Trăm	259.30	162.00	67.30			2.10	2.20	16.80	8.90	
12	Xã Văn Lem	210.60	131.60	54.70			1.70	1.80	13.60	7.20	
13	Thị trấn Đăk Tô	168.80	105.60	43.80			1.30	1.40	10.90	5.80	

**Ghi chú:**

**Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

- 1 Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
  - *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*
- 2 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- 3 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
  - *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*
- 4 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
  - *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
  - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
  - *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*
- 5 Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
  - *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*
  - *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*
- 6 Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
  - *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*
  - *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

